

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DS-PT

Ngày 30/01/2024

V/v “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Sỹ và bà Đinh Thị Như Phượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị G, sinh năm 1930; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt)

- **Người có quyền L nghĩa vụ liên quan:**

Bà Tổng Thị M, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai.

- **Người làm chứng:**

+ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

+ Ông Tổng Đức C, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

+ Ông Đinh Văn L, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1.1. Nguyên đơn bà Trần Thị G trình bày:

Trước đây bà Trần Thị G cư trú tại thôn Đ, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai, nhà đất của bà thuộc khu vực sạt lở bờ sông B nên thuộc diện phải di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau đó bà G được Ủy ban nhân dân huyện I cấp một lô đất tại khu tái định cư cho các hộ dân vùng sạt lở, lô đất có diện tích $6m \times 42m = 252m^2$ thuộc thửa đất số 11, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 976912 do UBND huyện I cấp ngày 26/12/2013 và Quyết định giao đất xây nhà ở số 77/QĐ- UBND ngày 16/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện I; địa chỉ thửa đất tại thôn B, xã C, huyện I. Sau khi được nhà nước giao đất bà G đã nhận đất và tiến hành xây dựng nhà ở vào năm 2012; khi bà G nhận đất và xây nhà ở ông X cũng biết và không có tranh chấp gì với bà. Đến năm 2020 ông Nguyễn Văn X cho rằng một phần diện tích đất bà G được cấp là của ông X nên đã dùng máy cày, cày lấn chiếm một phần diện tích đất của bà để trồng cây bạch đàn. Diện tích đất ông X đã lấn chiếm khoảng $51m^2$ nằm trong tổng diện tích $252m^2$. Sau khi xảy ra tranh chấp bà G đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C, huyện I tiến hành hòa giải, giải quyết tranh chấp đất đai với ông X nhưng không thành, do đó bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông X phải trả lại diện tích đất $51m^2$. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/8/2023 do Tòa án tiến hành xác định diện tích đất tranh chấp là $66m^2$ (rộng 2m x dài 33m). Do đó ngày 04/8/2023 bà Trần Thị G đã có đơn xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, buộc ông Nguyễn Văn X và bà Tống Thị M phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là $66m^2$ có vị trí, tứ cận theo như kết quả Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa đã xác định, đồng thời buộc ông X, bà M phải di dời tài sản trên đất để trả lại đất cho bà G.

1.2. Bị đơn ông Nguyễn Văn X trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp $66m^2$ nằm trong diện tích đất khoảng hơn $1000m^2$ tại thôn B, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai là do ông X khai hoang vào năm 1994 sử dụng đến nay, hiện ông X đang trồng bạch đàn trên đất. Theo các tài liệu chứng cứ thể hiện Ủy ban nhân dân huyện I không thu hồi đất của ông X làm D án di dân vùng sạt lở bờ sông B mà chỉ thu hồi đất của ông Nguyễn Văn D và đất 5% của Ủy ban nhân dân xã C. Do đó ông X không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của bà Trần Thị G. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án đúng quy định của luật đất đai để bảo vệ quyền L của gia đình ông.

1.3. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Tống Thị M trình bày:

Quá trình giải quyết vụ án bà Tống Thị M đã được Tòa án thông báo đưa

vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bà M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, biết việc bà Trần Thị G khởi kiện đòi đất nhưng không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M cũng thống nhất, đồng ý với quan điểm, ý kiến như chồng bà là ông Nguyễn Văn X đã trình bày, bà M không bổ sung gì thêm.

1.4. Người làm chứng ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông D là người quản lý sử dụng thửa đất tại thôn G, xã K, huyện I, là thửa đất liền kề với thửa đất hiện nay hộ gia đình ông Nguyễn Văn X đang quản lý sử dụng.

Ông D cho biết tại thời điểm năm 1994 chỉ có 02 hộ gia đình sử dụng canh tác sản xuất tại vị trí khu đất liên tục cho đến nay.

Thửa đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn X đang quản lý sử dụng hiện nay với thửa đất của hộ gia đình tôi có phân định mốc giới đóng cọc gỗ sử dụng từ trước đến nay, tại thời điểm hiện nay hộ gia đình ông Nguyễn Văn X vẫn sử dụng đúng mốc giới và diện tích, ông D không có tranh chấp gì với ông X.

Năm 2010, UBND huyện I, tỉnh Gia Lai thu hồi một phần diện tích thửa đất của hộ gia đình ông D đang quản lý sử dụng tại thôn G, UBND huyện I không có thu hồi diện tích thửa đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn X đang quản lý sử dụng, đến năm 2014 gia đình ông D được UBND huyện I cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất gia đình tôi đang sử dụng là thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, tại thôn G, xã K, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Thửa đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn X đang quản lý sử dụng hiện nay cụ thể như sau:

- Phía Bắc tiếp giáp đường mòn đi làm rẫy;
- Phía Đông tiếp giáp đường tỉnh lộ 662;
- Phía Tây tiếp giáp đất ông Nguyễn Văn D;
- Phía Nam tiếp giáp đất ông Nguyễn Văn D.

1.5. Người làm chứng ông Tống Đức C trình bày:

Ông C là công dân sinh sống tại thôn B, xã C, huyện I. Ông có thửa đất gần thửa đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn X, hàng ngày ông đi làm rẫy đi ngang thửa đất của hộ gia đình ông X đang quản lý sử dụng, địa chỉ thửa đất tại thôn G, thôn B, xã C, huyện I.

Ông C cho biết tại thời điểm năm 1994 chỉ có 02 hộ gia đình đó là hộ gia đình ông Nguyễn Văn X và hộ gia đình ông Nguyễn Văn D quản lý sử dụng canh tác sản xuất liên tục tại vị trí thửa đất hiện nay. Thửa đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn X đang quản lý sử dụng được gia đình ông Nguyễn Văn X khai hoang từ năm 1994 và quản lý sử dụng liên tục đến hiện nay, hộ gia đình ông Nguyễn Văn X vẫn sử dụng đúng như hiện trạng.

Thửa đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn X đang quản lý sử dụng hiện nay cụ thể như sau:

- Phía Bắc tiếp giáp đường mòn đi làm rẫy;
- Phía Đông tiếp giáp đường tỉnh lộ 662;
- Phía Tây tiếp giáp đất ông Nguyễn Văn D;
- Phía Nam tiếp giáp đất ông Nguyễn Văn D.

1.6. Người làm chứng ông Đinh Văn L trình bày:

Ông L là công dân sinh sống ở gần thửa đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn X đang quản lý sử dụng, địa chỉ thửa đất tại thôn G, thôn B, xã C, huyện I.

Ông L cho biết tại thời điểm năm 1994 chỉ có 02 hộ gia đình đó là hộ gia đình ông Nguyễn Văn X và hộ gia đình ông Nguyễn Văn D quản lý sử dụng canh tác sản xuất liên tục tại vị trí thửa đất hiện nay. Thửa đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn X đang quản lý sử dụng được gia đình ông Nguyễn Văn X khai hoang từ năm 1994 và quản lý sử dụng liên tục đến hiện nay, hộ gia đình ông Nguyễn Văn X vẫn sử dụng đúng như hiện trạng.

Thửa đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn X đang quản lý sử dụng hiện nay cụ thể như sau:

- Phía Bắc tiếp giáp đường mòn đi làm rẫy;
- Phía Đông tiếp giáp đường tỉnh lộ 662;
- Phía Tây tiếp giáp đất ông Nguyễn Văn D;
- Phía Nam tiếp giáp đất ông Nguyễn Văn D.

2. Giải quyết của tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 105, Điều 107, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 166, khoản 4 Điều 275, Điều 276, Điều 277 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 26, Điều 166, khoản 2 Điều 170, Điều 202 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G.

Buộc ông Nguyễn Văn X, bà Tống Thị M phải giao trả lại cho bà Trần Thị G phần diện tích đất tranh chấp là 66m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số trích đo địa chính thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 976912 do Ủy ban nhân dân huyện I cấp ngày 26/12/2013 cho Trần Thị G. Vị trí đất tranh chấp có tứ cận như sau: Phía đông giáp đường Tỉnh lộ 662, kích thước 2m; Phía tây giáp đất, nhà bà Trần Thị G, kích thước 2m; Phía nam giáp đất ông X đang sử dụng, kích thước 33m; Phía bắc giáp đất, nhà bà Trần Thị G, kích thước 33m. Địa chỉ đất: tại thôn B, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai.

(Có sơ đồ, trích lục hiện trạng thửa đất kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Văn X, bà Tống Thị M phải tháo dỡ, thu hoạch, di dời toàn bộ tài sản trên diện tích đất tranh chấp 66m² (tài sản gồm: 24 cây bạch đàn) để giao trả lại đất cho bà Trần Thị G.

- Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn X, bà Tống Thị M phải hoàn trả lại cho bà Trần Thị G số tiền chi phí tố tụng là 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn X, bà Tống Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004572 ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

3. Về kháng cáo, kháng nghị:

- Ngày 30 tháng 10 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn Văn X có đơn kháng cáo về toàn bộ nội dung bản án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, để xem xét làm rõ về nội dung vụ án và đối với người tham gia tố tụng.

- Nguyên đơn bà Trần Thị G, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Tống Thị M không kháng cáo.

- Bản án không bị kháng nghị.

4. Diễn biến tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Trần Thị G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn X giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Tống Thị M: Đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Văn X và không bổ sung gì thêm.

- Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn X, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc ông Nguyễn Văn X chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, quá trình giải quyết vụ án xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn X thấy rằng:

- *Đối với nội dung vụ án:*

Theo các Công văn số 20/CV-UBND ngày 21/4/2023 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện I và Công văn số 810/UBND-TNMT ngày 15/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện I và các tài liệu chứng cứ thu thập thì diện tích đất tranh chấp 66m² nằm trong diện tích đất 252m² của thửa đất số 11, trích lục đo địa chính theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 976912 do Ủy ban nhân dân huyện I cấp cho bà Trần Thị G ngày 26/12/2013 có nguồn gốc thuộc quỹ đất 5% công ích do Ủy ban nhân dân xã C quản lý theo Quyết định số: 165/QĐUB ngày 21-7-2010 của UBND huyện IaPa; Theo lời khai ngày 13-7-2023 của ông Trần Trung Ích - Thôn trưởng thôn B và lời khai ngày 27-7-2023 của ông Đinh Văn Hùng - thôn B thì diện tích đất tranh chấp nguyên thủy là Nghĩa trang cũ của xã C, Sau này xã C quy hoạch nghĩa trang mới di dời nghĩa trang cũ về khu vực mới, toàn bộ diện tích đất nghĩa trang cũ được giao về cho Ủy ban nhân dân xã C quản lý.

Ngày 16/11/2011 Ủy ban nhân dân huyện I có Quyết định số 77/QĐ-UBND giao cho bà Trần Thị G xây Dựng nhà ở (tái định cư cho các hộ nằm trong D án di dân vùng thiên tai xã C, huyện I).

Ông Nguyễn Văn X cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là do ông khai hoang, sử dụng từ năm 1994 đến nay, không tranh chấp với ai. Tuy nhiên ông X không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đất do mình khai hoang, sử dụng là hợp pháp. Trước thời điểm thu hồi (năm 2010) cơ quan có thẩm quyền cũng không công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với khu vực này. Ông X cũng không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và không được công nhận có quyền sử dụng đất.

Theo lời khai các nhân chứng là ông Nguyễn Văn D, ông Tống Đức C, và ông Đinh Văn L cho rằng: Trong khoảng thời gian năm 1994 có thấy ông X phát dọn cây cối và sử dụng đất này. Nhưng việc khai hoang, sử dụng của ông X có hợp pháp hay không và có đăng ký quyền sử dụng như thế nào thì các ông không biết.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Đất đai là thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý, Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Nhà nước khuyến khích khai hoang, vỡ hoá,

phủ xanh đất trống, đồi núi trọc để mở rộng diện tích đất sản xuất, tuy nhiên việc khai hoang phải theo sự quản lý của Nhà nước bằng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Việc cá nhân, tổ chức tự ý mở rộng diện tích đất không được Cơ quan có thẩm quyền cho phép là vi phạm pháp luật về đất đai và không được công nhận quyền sử dụng đất.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông X phải trả phần diện tích đất tranh chấp cho Nguyên đơn bà Trần Thị G là có căn cứ.

- Đối với kháng cáo không đưa UBND huyện I và UBND xã C vào tham gia tố tụng, thấy rằng:

Trong vụ án này bà G chỉ kiện yêu cầu ông X trả diện tích đất lấn chiếm 66m² bị ông X lấn chiếm. Khi giải quyết vụ án chỉ xem xét nội dung xác định phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của ai. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó quá trình giải quyết vụ án Tòa sơ thẩm không đưa UBND huyện I và UBND xã C vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn X. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Về các lễ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn X.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn bà Trần Thị G với bị đơn là ông Nguyễn Văn X.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn X phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000827 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Pa;
- TAND huyện Ia Pa;
- Chi cục THADS huyện Ia Pa;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sinh